

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN THU NHẬP CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

TS. Đào Thị Vân Anh
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Trên cơ sở bộ dữ liệu sơ cấp được thu thập qua điều tra, khảo sát từ 128 hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La và áp dụng mô hình phân tích hồi quy đa biến, nghiên cứu đã chỉ rõ một số nhân tố tác động đến nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại đây, bao gồm: số thành viên (nhân khẩu) của hộ gia đình, số người trong độ tuổi lao động, diện tích đất canh tác và giá trị của phương tiện sản xuất được hộ gia đình sử dụng. Dữ liệu khảo sát cho thấy chưa thể khẳng định được sự tác động của nhân tố trình độ học vấn của chủ hộ, nhân tố số thành viên của hộ gia đình có tác động lớn nhất, nhân tố giá trị phương tiện sản xuất có ảnh hưởng ít nhất tới nguồn thu nhập của hộ gia đình. Hầu hết các nhân tố đều có mối quan hệ ngược chiều, riêng nhân tố số lượng lao động của hộ gia đình có mối quan hệ thuận chiều.

Từ khoá: Thu nhập; hộ gia đình; dân tộc thiểu số.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Vân Hồ thuộc tỉnh Sơn La, có vị trí địa lý quan trọng và được xem như cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm tỉnh Sơn La và vùng núi Tây Bắc. Trên địa bàn của huyện hiện đang có 6 dân tộc khác nhau cùng sinh sống, chủ yếu là dân tộc Thái, Mường, H'mong. Người dân tộc tại đây thường sống tập trung theo từng khu vực riêng tạo nên một cộng đồng các bản, xã mang tính đặc trưng riêng của từng cộng đồng với các phong tục và tập quán khác nhau tạo nên sự phong phú và đa dạng về bản sắc văn hoá.

Huyện Vân Hồ là một trong số 3 huyện của tỉnh Sơn La nằm trong danh sách các huyện nghèo giai đoạn 2018-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/03/2018. Đến hết năm 2021, toàn huyện có 3.975 hộ nghèo chiếm 26,12%; và 1.903 hộ cận nghèo chiếm 12,51% (theo UBND huyện Vân Hồ, (2021) [2]). Những năm qua, mặc dù lãnh đạo địa phương các cấp đã thực hiện các chính sách nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho người dân địa phương, nhưng do những hạn chế về trình độ văn hoá, phong tục tập quán, nguồn lực tài chính và nhiều nguyên nhân khác nên hộ gia đình các dân tộc thiểu số của huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn về sinh kế.

Trước đây, những nghiên cứu tập trung vào đối tượng dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều hạn chế, hầu hết chỉ tập trung vào hiện trạng nguồn

nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo UNDP (2015) [16]) hay bàn về nguồn thu nhập mang tính đặc trưng người dân tộc thiểu số tại các địa phương khác nhau như vùng đồng bằng sông Cửu Long (theo Nguyễn Quốc Nghi và nnk, (2011) [9]). Để có thêm cơ sở khoa học giúp chính quyền địa phương đưa ra các giải pháp, chính sách, định hướng phát triển kinh tế xã hội đặc biệt các chính sách về ổn định sinh kế của người dân, nghiên cứu tiến hành khảo sát nhằm xác định một số nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

2. TỔNG QUAN, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập, theo Scoones (1998) [3] cho rằng các yếu tố tác động đến năng suất lao động chính là những yếu tố tác động đến thu nhập của người dân, theo đó nghiên cứu cũng chỉ ra rằng thu nhập của người dân bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như trình độ chuyên môn. Trên thực tế, trình độ học vấn của chủ hộ càng cao sẽ càng giúp hộ gia đình có cơ hội tìm kiếm nhiều việc làm hơn cũng như có thể tiếp cận được với nhiều nguồn thu nhập khác nhau, nhất là những nguồn thu nhập yêu cầu có trình độ cao. Trên cơ sở đó, Nguyễn Quốc Nghi và nnk (2011) [9], Nguyễn Đăng Hào (2012) [5] cũng đồng quan điểm với Alain de Janvry et al. (2005) [7] để khẳng định mối quan hệ giữa trình độ học

vấn của người dân với thu nhập hay sinh kế của họ. Mehdi Yadollahi et al. (2009) [17] và rất nhiều nhà nghiên cứu tại Việt Nam như Võ Văn Tuấn và nnk (2015) [12], Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10], Nguyễn Tiến Dũng và nnk (2021) [4] cũng có cùng nhận định khi cho rằng số nhân khẩu và số lượng người trong độ tuổi lao động càng nhiều, các hộ gia đình thường có xu hướng tận dụng sức lao động để tìm kiếm cơ hội việc làm nhiều hơn, có cơ hội gia tăng thêm thu nhập.

Ngoài những nhân tố kể trên, nhiều nghiên cứu trước đây cũng chỉ rõ các nhân tố mang đặc trưng tại một số địa phương có ảnh hưởng đến thu nhập của người dân như phương tiện sản xuất, diện tích đất canh tác. Mặc dù chỉ đo lường sự tác động của các phương tiện sản xuất được các hộ gia đình sử dụng trên cơ sở số lượng mà chưa tính đến giá trị của các phương tiện sản xuất, nhưng nghiên cứu của Nguyễn Tiến Dũng và nnk (2020) [4] đã từng chỉ rõ sự tác động của các phương tiện này đến thu nhập của người dân vùng hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, với những hộ gia đình có mức thu nhập thấp, chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp mà diện tích đất canh tác không nhiều thì tất yếu họ phải tìm kiếm nguồn thu nhập hoặc cơ hội việc làm khác để duy trì cuộc sống và ổn định sinh kế cho hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10] hay Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6] đã từng chỉ rõ điều đó khi nghiên cứu về sinh kế của hộ gia đình vùng đồng bằng sông Cửu Long và các nông hộ tỉnh Thái Nguyên.

Trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu của

Chambers & Conway (1992) [1], Alain de Janvry et al. (2005) [7] đã xây dựng mô hình các nhân tố tác động tới nguồn thu nhập của nông hộ tại Trung Quốc. Nhóm tác giả cũng chỉ ra rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của hộ và cho rằng với nguồn thu nhập của nông hộ ở hiện tại, việc mở rộng và đa dạng hoá nguồn thu nhập sẽ có cơ hội giúp họ gia tăng thêm thu nhập và ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, thay vì đo lường quy mô và số lượng, mô hình nghiên cứu định lượng của nhóm tác giả đã đo lường thu nhập bởi tỷ trọng của từng nguồn thu trong tổng thu nhập của nông hộ. Với hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỷ lệ các hộ nghèo và cận nghèo còn khá cao, trong khi người dân còn hạn chế về học vấn, nhân lực, vốn đầu tư, quy mô đất canh tác nên thu nhập của các hộ gia đình chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và canh tác tự nhiên. Do vậy, việc gia tăng thêm các phương thức, các nguồn thu nhập phần nào sẽ giúp người dân có cơ hội ổn định cuộc sống.

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu các công trình khoa học trước đây, kết hợp với khảo sát thực tế tại địa bàn huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, tác giả đã xây dựng mô hình hồi qui nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La với dạng thức như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \varepsilon$$

Trong đó: Biến phụ thuộc Y là số nguồn thu nhập của hộ gia đình trong năm gần nhất. Các biến X_1, X_2, X_3, X_4, X_5 là các biến độc lập. Cụ thể:

Bảng 1. Danh sách các biến số của mô hình nghiên cứu

ST T	Nhân tố dự kiến	Ký hiệu	Cách đo lường	Kì vọng tác động của biến	Căn cứ chọn biến
I	Biến phụ thuộc				
	Nguồn thu nhập	NguồnTN	Tổng số nguồn thu nhập của hộ gia đình trong năm gần nhất, nhận giá trị tương ứng với số nguồn thu nhập hàng năm của hộ gia đình		Chambers & Conway (1992) [1]; Kết quả nghiên cứu định tính

II					
Biến độc lập					
1	Số người lao động	Solaodong	Số lượng người trong độ tuổi lao động của hộ gia đình	+	Scoones (1998) [3], Võ Thành Khởi (2015) [8], Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10], Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6]
2	Phương tiện sản xuất	PTSX	Mức giá trị cao nhất của loại phương tiện sản xuất được sử dụng trong hộ gia đình, nhận giá trị 1,2,3 tương ứng với mức giá trị “Dưới 5 triệu đồng”, “Từ trên 5 đến 10 triệu đồng”, “Từ trên 10 đến 20 triệu đồng” và “Trên 20 triệu đồng”.	-	Nguyễn Tiến Dũng và nnk (2021) [4]; Kết quả nghiên cứu định tính
3	Trình độ	Trinhdo	Trình độ học vấn của chủ hộ gia đình, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ mù chữ, nhận giá trị 1,2,3,4 nếu chủ hộ học cấp 1,2,3 hoặc trình độ cao hơn.	+	Nguyễn Quốc Nghi và nnk (2011) [9], Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6]
4	Số thành viên	Sothanhvien	Số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình, nhận giá trị tương ứng với số người trong hộ gia đình	+/-	Vũ Thị Ánh Tuyết (2007) [13], Võ Thành Khởi (2015) [8]
5	Diện tích đất	Dientichdat	Diện tích đất canh tác của hộ gia đình (tính bằng ha)	-	Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10], Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6]

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện với các phương pháp cơ bản sau:

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn: Kết quả nghiên cứu từ cơ sở lý thuyết và tổng quan những công trình nghiên cứu trước giúp xây dựng thang đo cấu thành nên nội dung và những nhân tố tác động tới nguồn thu nhập của hộ gia đình.

- Phương pháp nghiên cứu định tính: Tổ chức phỏng vấn sâu, xin ý kiến các chuyên gia, phỏng vấn một số lãnh đạo địa phương phụ trách/quản lý trong lĩnh vực hộ gia đình các dân tộc thiểu số và đại diện của 5 hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại các địa phương. Sau quá trình phỏng vấn sâu, kết quả phỏng vấn sẽ giúp xây dựng và hoàn thiện phiếu khảo sát, đồng thời nghiên cứu cũng xác định được phạm vi và đối tượng khảo sát phù hợp.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng:

Trên cơ sở chọn mẫu ngẫu nhiên, tiến hành khảo sát, phỏng vấn đại diện 128 hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại 03 xã thuộc vùng III của huyện Vân Hồ bao gồm: Tô Múa, Xuân Nha và Chiềng Yên. Sau đó tổng hợp dữ liệu, tiến hành phân tích thống kê mô tả đặc điểm mẫu và sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu về sự ảnh hưởng của các nhân tố tới nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đặc điểm của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La qua điều tra khảo sát

* Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Bảng 2. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Thứ tự	Tiêu chí	Quy mô (người)	Tỷ lệ (%)
I	Giới tính của chủ hộ	128	100
1	Nam	109	85,16
2	Nữ	19	14,84
II	Dân tộc	128	100
1	Thái	63	49,22
2	Mường	36	28,13
3	H'mong	27	21,09
4	Khác	2	1,56

(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả)

Kết quả khảo sát tại 128 hộ gia đình dân tộc thiểu số tại huyện Vân Hồ cho thấy chủ hộ là nam chiếm đa số (tỷ lệ 85,16%) trong khi chủ hộ là nữ chỉ chiếm gần 15%. Điều này phản ánh thực tế tại địa phương và cũng là đặc trưng của các hộ gia đình dân tộc thiểu số là nam giới thường là người quan trọng nhất, có tiếng nói và có quyền quyết định cao hơn các thành viên khác trong gia đình. Về dân tộc, quy mô mẫu nghiên cứu với 128 hộ gia đình hầu hết đều tập trung vào các đối tượng dân tộc Thái, Mường và H'mong. Đối chiếu kết

quả khảo sát với kết quả thống kê về cơ cấu dân tộc của toàn huyện (dân tộc Thái chiếm đa số 41,8% tổng số dân, sau đó là dân tộc Mường chiếm tỷ lệ 22,9% và dân tộc H'mong với tỷ lệ 20,4% trong khi các dân tộc khác chiếm tỷ lệ rất thấp dưới 15% - theo UBND huyện Vân Hồ, (2021) [2]) cho thấy cơ cấu dân tộc trong quy mô mẫu nghiên cứu là tương đối phù hợp với cơ cấu dân tộc của huyện.

* Một số đặc trưng của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

Bảng 3. Một số đặc trưng của hộ gia đình các dân tộc thiểu số

STT	Chỉ tiêu	Quy mô (người)	Tỷ lệ (%)
I	Quy mô lao động	128	100
1	Từ 2 người trở xuống	62	48
2	Từ trên 2 đến 4 người	51	40
3	Trên 4 người	15	12
II	Trình độ học vấn	128	100
1	Không qua đào tạo	12	9,38
2	Cấp 1	60	46,88
3	Cấp 2	27	21,09
4	Cấp 3	18	14,06
5	Cao hơn	11	8,59

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Khảo sát về quy mô lao động của hộ gia đình cho thấy chủ yếu các hộ gia đình này đều là những hộ có quy mô nhỏ, số lượng thành viên trong hộ gia đình ít. Khoảng 40% hộ gia đình được khảo sát có từ 2 đến 4 lao động và chỉ có 12% hộ gia đình có số lượng trên 4 lao động. Tỷ lệ các chủ hộ hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông chỉ ở mức 14,1%. Mặc dù một số hộ gia đình có chủ hộ đã qua đào tạo chuyên môn ở bậc sơ cấp, trung cấp

hoặc cao đẳng, tuy nhiên tỷ lệ này cũng không nhiều (chiếm 8,6%) và có tới gần 9,4% chủ hộ chưa qua đào tạo. Như vậy, địa phương rất cần có những chính sách đồng bộ, thiết thực, phù hợp, để tiếp tục từng bước xóa bỏ nạn mù chữ với đối tượng các dân tộc thiểu số và miền núi.

* Thực trạng mức thu nhập và quy mô nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số

Bảng 4. Kết quả khảo sát về mức thu nhập và quy mô nguồn thu nhập của hộ gia đình

STT	Chỉ tiêu	Quy mô (người)	Tỷ lệ (%)
I	Thu nhập trung bình/người/tháng	128	100

1	Dưới 1,5 triệu đồng	58	45,31
2	Từ 1,5 triệu đồng đến dưới 2 triệu đồng	41	32,03
3	Từ 2 triệu đồng đến dưới 4 triệu đồng	22	17,19
4	Từ 4 triệu đồng trở lên	7	5,47
II	Số nguồn thu nhập của hộ gia đình	128	100
1	Từ 1 nguồn thu nhập	0	0
2	Từ 02 nguồn thu nhập	72	56,25
3	Từ 03 nguồn thu nhập	41	32,03
4	Từ 4 nguồn thu nhập trở lên	15	11,72

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

Theo số liệu khảo sát mức sống người Việt Nam năm 2021 của Tổng cục thống kê, thu nhập bình quân 1 người/tháng khoảng 4,2 triệu đồng. Như vậy, có đến gần 95% hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ có mức thu nhập thấp hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân của cả nước. Hơn nữa, mức thu nhập bình quân của tỉnh Sơn La năm 2020 khoảng 1,8 triệu đồng/người/tháng, kết quả khảo sát cũng cho thấy có khoảng 63,2 % hộ gia đình được khảo sát thấp hơn mức thu nhập trung bình của cả tỉnh năm 2020.

Nhiều hộ gia đình dân tộc thiểu số tại huyện Vân Hồ có mức thu nhập rất thấp, trong khi đó đa số các hộ gia đình này đều có ít nhất 2 nguồn thu nhập tập trung chủ yếu vào trồng trọt và chăn nuôi. Có đến 32,03% hộ gia đình được khảo sát có thêm nguồn thu nhập từ làm thuê, mượn cho các hộ gia đình tại thị trấn, trung tâm huyện hoặc tại các khu công nghiệp ngoài tỉnh. Nguồn thu này trở nên phổ biến tại các hộ gia đình trong thời gian 3 đến 5 năm trở lại đây và chủ yếu tập trung vào các hộ gia

đình có nguồn lao động trẻ tuổi và có sức khỏe. Với phương thức này, người lao động thường phải tìm kiếm việc làm ở các địa phương khác, tại các trung tâm huyện, thị hoặc các khu công nghiệp ngoài tỉnh. Chỉ có khoảng 11,72% hộ gia đình được khảo sát có thêm nguồn thu nhập thứ 4 từ làm dịch vụ, du lịch hoặc các nguồn khác. Như vậy, có thể thấy phương thức hay nguồn thu nhập của các hộ gia đình tại đây khá hạn hẹp, cơ hội việc làm không nhiều. Đây cũng có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến mức thu nhập bình quân của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ ở mức thấp.

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

4.2.1 Kết quả kiểm định sự phù hợp, ý nghĩa của mô hình và hiện tượng đa cộng tuyến

Với các kỹ thuật định lượng trên phần mềm SPSS 20.0, kết quả nghiên cứu về sự phù hợp và ý nghĩa của mô hình được thể hiện như sau:

Bảng 5. Kết quả kiểm định sự tương quan và ý nghĩa của mô hình
Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,560 ^a	,313	,285	,585	1,694

a. Predictors: (Constant), Solaodong, Trinh do, PTSX, Dientichdat, Sothanhvien

b. Dependent Variable: NguonTN

Hệ số R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 0,285 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu ở mức 28,5%, điều đó đồng nghĩa với các biến độc lập trong mô hình giải thích được 28,5% sự biến thiên của biến phụ thuộc – Nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Có đến 71,5% sự biến thiên của biến phụ thuộc là do ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác, những nhân tố này có thể cần được đo lường bằng các dữ liệu định tính và thực hiện phân tích nhân tố khám phá mà tác giả chưa đề cập đến trong mô hình này.

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS)

Trị số Durbin – Watson dùng để kiểm tra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất, hệ số này có giá trị biến thiên trong khoảng từ 0 đến 4; nếu các phần sai số không có tương quan chuỗi bậc nhất với nhau thì giá trị sẽ gần bằng 2 (theo Field A. (2009) [2], Yahua Qiao (2011) [14]). Hệ số Durbin-Watson của mô hình ở mức 1,694 nằm trong khoảng từ 1,5 cho đến 2 cho thấy mô hình không vi phạm tự tương quan chuỗi bậc nhất.

Kết quả đánh giá về độ phù hợp với tổng thể của mô hình được thể hiện như sau:

Bảng 6. Kết quả kiểm định độ phù hợp với tổng thể ANOVA^a

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1 Regression	19,073	5	3,815	11,133	,000 ^b
Residual	41,802	122	,343		
Total	60,875	127			

a. Dependent Variable: NguonTN

b. Predictors: (Constant), Solaodong, Trinh do, PTSX, Dientichdat, Sothanhvien

(Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS)

Giá trị $F = 11,133$ với $\text{sig} = 0.000 < 5\%$ chứng tỏ R bình phương của tổng thể khác 0 đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được cho là phù hợp với tổng thể hay các biến độc lập trong mô hình có sự tác động đến biến phụ thuộc.

- Kết quả khảo sát phân phối chuẩn của phần dư và giả định liên hệ tuyến tính:

Kết quả phân tích từ phần mềm SPSS cho giá trị trung bình Mean gần bằng 0, độ lệch

chuẩn Std. Dev ở mức 0,980 gần bằng 1, các cột giá trị phần dư phân bố theo dạng hình chuông nên có thể khẳng định phân phối là xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm. Khảo sát giả định liên hệ tuyến tính cũng cho thấy các điểm dữ liệu phân bố tập trung xung quanh đường tung độ 0 và có xu hướng tạo thành một đường thẳng, điều đó cho thấy giả định liên hệ tuyến tính cũng không bị vi phạm.

Bảng 7. Kết quả kiểm định và ước lượng của mô hình Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1 (Constant)	4,278	,335		12,791	,000		
Trinh do	-,034	,071	-,036	-,477	,634	,990	1,010
Sothanhvien	-,442	,089	-,411	-4,941	,000	,814	1,229
Dientichdat	-,344	,096	-,281	-3,605	,000	,926	1,080
PTSX	-,249	,061	-,318	-4,107	,000	,941	1,062
Solaodong	,348	,111	,250	3,137	,002	,886	1,129

a. Dependent Variable: NguonTN

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ phần mềm SPSS)

Kết quả kiểm định từ bảng 7 cho thấy các hệ số phóng đại phương sai VIF đều bé hơn 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến hay dữ liệu của mô hình không vi phạm giả định đa cộng tuyến (theo Nguyễn Đình Thọ (2013) [11]).

4.2.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả hồi quy cho thấy Số thành viên (Sothanhvien) và Số lao động (Solaodong) trong hộ gia đình có $\text{sig} < 0.05$ tức là cả 2 biến số này đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, đều tác động lên biến phụ thuộc. Trong đó, biến số lao động (Solaodong) có hệ số hồi quy mang dấu dương tức là số lao động của hộ gia đình các dân tộc này có mối quan hệ cùng chiều với

nguồn thu nhập của hộ. Điều đó đồng nghĩa với số người trong độ tuổi lao động của hộ càng nhiều thì nguồn thu nhập của hộ càng phong phú. Kết quả nghiên cứu này là đồng nhất với nghiên cứu của Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10], Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6] khi cho rằng số lượng lao động của hộ gia đình càng lớn sẽ càng giúp hộ gia đình gia tăng thêm thu nhập với nhiều phương thức tìm kiếm thu nhập đa dạng hơn. Xét trên một khía cạnh nào đó, khi phải đối mặt với những khó khăn về thu nhập, về điều kiện sống ở hiện tại, người dân tộc thiểu số tại huyện Vân Hồ cũng rất mong muốn và có động lực thoát nghèo. Những hộ gia đình có nhiều người

trong độ tuổi lao động cũng được xem là có lợi thế hơn so với các hộ gia đình khác, họ sẽ càng có động lực làm việc và tìm kiếm cơ hội việc làm nhiều hơn nên nguồn thu nhập cũng phong phú và đa dạng hơn.

Kết quả hồi quy cho thấy có một biến độc lập (trình độ của chủ hộ) cho kết quả kiểm định sig >0.1 đồng nghĩa với việc chấp nhận giả thuyết hay dữ liệu nghiên cứu của mô hình chưa đủ để khẳng định về sự tác động của nhân tố trình độ học vấn của chủ hộ tới nguồn thu nhập của hộ gia đình. Kết quả khảo sát thực tế tại địa phương cho thấy đa số các hộ đều sinh sống dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong khi trình độ học vấn của người dân rất thấp (có đến 9,375% các chủ hộ chưa học xong bậc tiểu học, 77,3% chủ hộ được khảo sát chưa học xong chương trình giáo dục phổ thông) thì kết quả sản xuất cũng như mức thu nhập của hộ gia đình chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm thay vì phụ thuộc vào trình độ học vấn hay chuyên môn.

Biến Số thành viên (Sothanhvien) có hệ số hồi quy mang dấu âm tức là số thành viên của hộ gia đình các dân tộc thiểu số có mối quan hệ ngược chiều với số lượng các nguồn thu nhập của hộ. Kết quả nghiên cứu này mâu thuẫn với nghiên cứu của Vũ Thị Ánh Tuyết (2007) [13] nhưng hoàn toàn đồng nhất với Võ Thành Khởi (2015) [8]. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế và phần nào cho thấy sự bất hợp lý trong mô hình các hộ gia đình dân tộc thiểu số hiện nay. Đa phần các hộ gia đình có số lượng lớn nhân khẩu đều tập trung vào những gia đình đa hệ, đông con nhiều cháu, bởi đây là một trong những nét văn hoá riêng của cộng đồng các dân tộc thiểu số, họ luôn mong muốn sống tập trung nhiều thế hệ trong cùng một nhà để có sự đùm bọc, gắn kết. Số lượng nhân khẩu của các hộ gia đình này khá nhiều nhưng số lượng người trong độ tuổi lao động lại rất ít, các gia đình đông con và nhiều con nhỏ nên bố mẹ không có điều kiện đi làm thuê, làm mướn xa nhà. Trong khi nguồn vốn ít và trình độ học vấn lại thấp nên đa phần thu nhập của cả gia đình chỉ chủ yếu phụ thuộc vào chăn nuôi và trồng trọt, vì vậy các phương thức và nguồn thu nhập của những hộ gia đình này rất hạn chế.

Hai nhân tố Diện tích đất canh tác và Giá trị phương tiện sản xuất của hộ gia đình cũng

có ý nghĩa thống kê ở mức 5% với các hệ số hồi quy trong mô hình đều mang dấu âm đồng nghĩa với diện tích đất canh tác và mức giá trị của phương thức sản xuất có mối quan hệ ngược chiều với nguồn thu nhập của hộ. Kết quả nghiên cứu là hoàn toàn phù hợp với những nghiên cứu trước đây của Nguyễn Văn Tâm và nnk (2018) [10], Nguyễn Tuấn Hùng và nnk (2020) [6] và ủng hộ cho giả thuyết cũng như phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Người dân tộc thiểu số tại đây sinh sống chủ yếu tập trung vào chăn nuôi và trồng trọt, với các phương tiện sản xuất giá trị thấp, lại không có trình độ và kiến thức chuyên môn nên diện tích đất canh tác có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất và thu nhập của họ. Trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, diện tích đất canh tác càng nhiều thường sẽ mang lại quy mô kết quả sản xuất càng lớn nên các hộ gia đình cũng có cơ hội gia tăng mức thu nhập. Khi đó, việc tập trung vào chăn nuôi và trồng trọt với quy mô diện tích canh tác lớn sẽ khiến họ hạn chế hơn trong việc tìm kiếm thêm các nguồn thu nhập khác.

Xét trên một khía cạnh khác, những hộ gia đình có diện tích đất canh tác càng ít thì mức thu nhập thường cũng hạn chế nên ít có điều kiện để đầu tư vào các phương tiện sản xuất có giá trị. Khi đó, để đảm bảo mức sống cho gia đình buộc các hộ dân phải tìm kiếm thêm nguồn thu nhập khác từ những công việc làm thuê, mướn tại các trung tâm thị trấn, huyện thị hoặc các khu công nghiệp ngoài tỉnh. Nguồn thu nhập từ các hoạt động làm thuê, mướn này chủ yếu sử dụng sức lao động, không đòi hỏi phải đầu tư vào các phương tiện sản xuất có giá trị, theo đó mức giá trị các phương tiện sản xuất của hộ gia đình thường không lớn.

5. KẾT LUẬN

Đa số hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La được khảo sát đều có nguồn thu nhập chủ yếu từ trồng trọt và chăn nuôi. Với những khó khăn về vốn đầu tư, diện tích đất cũng như các phương thức canh tác và sản xuất hiện nay đã khiến cho người lao động phải tìm kiếm thêm nguồn thu nhập từ những công việc làm thuê, mướn tại địa phương khác. Kết quả khảo sát cho thấy phương thức hay nguồn thu nhập của các hộ gia đình còn khá hạn chế, cơ hội việc làm không nhiều.

Nguồn thu nhập của hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại đây cũng chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố. Kết quả nghiên cứu từ phương pháp định lượng cùng với bộ dữ liệu sơ cấp đã chỉ ra một số nhân tố có ảnh hưởng đến số lượng nguồn thu nhập của hộ gia đình. Cụ thể: nhân tố số lượng thành viên, diện tích đất canh tác và giá trị của phương tiện sản xuất có mối quan hệ ngược chiều, nhân tố số lượng lao động có mối quan hệ cùng chiều với số lượng nguồn thu nhập của hộ gia đình. Ngoài ra, dữ liệu nghiên cứu cũng chưa đủ để khẳng định sự tác động của yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ tới nguồn thu nhập của hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu sẽ là một trong những căn cứ quan trọng để gợi mở và đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế, ổn định thu nhập cho hộ gia đình các dân tộc thiểu số huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. R. Chambers, and G. R. Conway, 1992. Sustainable Rural Livelihoods, Practical Concepts for the 21st Century. IDS Discussion Paper, 296, 1-29.
- [2]. Field Andy, 2009. Discovering statistic using SPSS-3rd ed. Sage Publications Ltd., London.
- [3]. I. Scoones, 1998. Sustainable rural livelihoods: A framework for analysis. IDS Working Paper, 72, 1-22.
- [4]. Nguyễn Tiến Dũng và cộng sự, 2020. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của cư dân vùng hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 57 (1C), 210-216.
- [5]. Nguyễn Đăng Hào, 2012. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược sinh kế của các nông hộ tại vùng cát ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí khoa học Đại học Huế, 72B (03).
- [6]. Nguyễn Tuấn Hùng và cộng sự, 2020. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế người dân địa phương sống dựa vào rừng tại khu vực rừng đặc dụng ATK Định Hoá, Thái Nguyên. TNU Journal of Science and Technology, 226 (1), 42-49.
- [7]. Alain de Janvry, Elisabeth Sadoulet and Nong Zhu, 2005. The Role of Non-farm Incomes in Reducing Rural Poverty and Inequality in China. Working Thesis Series No. 1001 from Department of Agricultural & Resource Economics, The University of California, Berkeley.
- [8]. Võ Thành Khởi, 2015. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 18a, 59-65.
- [9]. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, 2011. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 18a, 240-250.
- [10]. Nguyễn Văn Tâm và cộng sự, 2018. Ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, 179 (03).
- [11]. Nguyễn Đình Thọ, 2013. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính, TP. Hồ Chí Minh.
- [12]. Võ Văn Tuấn và cộng sự, 2015. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 38, 120-129.
- [13]. Vũ Thị Ánh Tuyết, 2007. Thực trạng đa dạng hoá thu nhập của nông hộ tại Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.
- [14]. Yahua Qiao, 2011. Instertate Fiscal Disparities in America. New York: Routledge.
- [15]. UBND huyện Vân Hồ, 2021. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020.
- [16]. UNDP, IRP & ISDR, 2015. Guidance note on recovery livelihood.
- [17]. Mehdi Yadollahi Et Al, Laily Hj Paim, Mumtazah Othman, Turiman Suandi, Mohsen Darya Beygi, 2009. The level of Managerial Functions Practiced by the Head of household and Family Economics Status in Kerman, Iran. Life Science Journal, 8 (1), 275-287.

A STUDY ON THE FACTORS THAT INFLUENCE THE INCOME OF ETHNIC MINORITIES HOUSEHOLDS IN VAN HO DISTRICT, SON LA PROVINCE

Dr. Dao Thi Van Anh

Tay Bac University

Abstract: *Based on the primary data set collected through surveys from 128 ethnic minority households in Van Ho district, Son La province and applied multiple regression analysis model, this study found out a number of factors that affected the income of ethnic minority households, including: the number of members (demographic) of the household, the number of employees, the area of arable land and the value of the household's means of production. This study also revealed that there is no statistically significant difference in educational level of the household. In addition, there was statistically significant difference in the number of household members while means of production had the least impact on the household's income. Most of the factors have a negative relationship while the number of household workers has a positive relationship.*

Keywords: *Income; households; ethnic minorities.*

Ngày nhận bài: 20/5/2022. Ngày nhận đăng: 20/6/2022.

Liên lạc: Đào Thị Vân Anh, e-mail: vananhdt@utb.edu.vn